

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày 30/01/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Như Kiều
2. Ông Cao Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2017/TLST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp A, xã V10, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Út N**, sinh năm 1972 và ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1967; Cùng địa chỉ: Ấp A, xã V10, huyện V, tỉnh Hậu Giang (ông B có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Út N và ông Nguyễn Văn B: Ông **Đỗ Đồng N1**, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu **Nguyễn Thị Chúc L**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp A, xã V10, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Chúc L: Ông **Đỗ Đồng N1**, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

+ Bà **Nguyễn Thị B1**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp A, xã V10, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Cháu **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp A, xã V10, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2017 và tại buổi hòa giải ngày 12/12/2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Vào ngày 25/8/2015 (âm lịch) phía ông Nguyễn Văn B cùng vợ là bà Trần Thị Út N có mượn của bà số tiền là 50.000.000 đồng, đến ngày 02/10/2015(âm lịch) vợ chồng ông B bà bà Út N có mượn thêm số tiền 80.000.000 đồng để xây nhà, do là chị em ruột nên hai bên không làm biên nhận. Thỏa thuận sau 03 tháng sẽ trả nhưng đến nay không trả. Ngày 09/3/2017 bà Út N có làm cam kết và nhận nợ nhưng hứa trả mà không trả, nay bà yêu cầu vợ chồng ông B và bà Út N trả cho bà số tiền 130.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trước yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng ông có nhận từ bà Nguyễn Thị C số tiền 130.000.000 đồng vào thời gian ngày 25/8/2015 (âm lịch) nhận 50.000.000 đồng đến ngày 02/10/2015 (âm lịch) nhận thêm số tiền 80.000.000 đồng. Nhưng số tiền nay không phải là mượn và cũng không phải vay, mà số tiền này là do con gái ông là cháu Nguyễn Thị Chúc L đi làm thuê tại thành phố Cao Hùng, Đài Loan do bà Nguyễn Thị B1 làm chủ và cháu L nhờ bà Nguyễn Thị Bưởi gởi số tiền này cho bà Nguyễn Thị C và nhờ bà Nguyễn Thị C chuyển số tiền này cho bà Nguyễn Thị Út N và ông Nguyễn Văn B để xây nhà, các lần nhờ gởi tiền này ông không có chứng cứ gì chứng minh. Qua yêu cầu của nguyên đơn ông B bà bà Út N không đồng ý trả số tiền này.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Út N là ông **Đỗ Đồng Nhất** thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 12/12/2017 và tại phiên tòa hôm nay là phía bị đơn có nhận số tiền của bà Nguyễn Thị C là 130.000.000 đồng, nhưng đã trả cho bà C ngày 09/6/2017 theo biên bản hòa giải ngày 09/3/2017 tại địa phương.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị Chúc L trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, cháu có làm thuê cho bà Nguyễn Thị B1 tại Đài Loan, do cha mẹ của cháu có nhu cầu xây nhà nên cháu đã trực tiếp đưa cho bà B1 02 lần tiền, lần một đưa 70.000 đồng Đài Loan, lần hai đưa 110.000 đồng Đài Loan tương đương tiền Việt Nam lần một là 50.000.000 đồng, lần hai là 80.000.000 đồng, nhờ gởi cho cha mẹ là ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Út N tổng cộng là 130.000.000 đồng tiền Việt Nam. Cháu L xác định số tiền bà C đưa cho cha

mẹ của cháu là tiền của cháu gửi về. Khi nhờ bà B1 gửi tiền về cháu không có làm biên nhận và không có người làm chứng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B1 trình bày tại biên bản ngày 12/12/2017: Chúc L có làm thuê cho bà khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, nhưng Chúc L không nhờ bà gửi tiền về cho bà Trần Thị Út N cũng như ông Nguyễn Văn B, đồng thời bà yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt bà.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật. Nội dung vụ án: Tại tòa phía bị đơn thừa nhận có nhận số tiền 130.000.000 đồng của nguyên đơn nhưng cho rằng số tiền này là của con gái tên Nguyễn Thị Chúc L gửi tiền về thông qua bà Nguyễn Thị B1 nhưng lại không có chứng cứ nào chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị Út N và ông Nguyễn Văn B phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 130.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Do ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Út N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu ông B và bà Út N thanh toán nợ, đây là loại kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị B1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt và dành quyền kháng cáo cho bà B1 theo luật định.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Út N trả số tiền 130.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên Tòa hôm nay cũng như quá trình Tòa án thụ lý và hòa giải tại địa phương ông B và bà Út N thừa nhận có nhận của bà Nguyễn Thị C số tiền 130.000.000 đồng. Nhưng bà Út N và ông B cho rằng số tiền này là do con gái ông bà là Nguyễn Thị Chúc L nhờ bà Nguyễn Thị B1 gửi về, nhưng bà lại không có chứng cứ nào chứng minh là Nguyễn Thị Chúc L nhờ gửi về, bên cạnh đó bà Nguyễn Thị B1 lại không thừa nhận là Nguyễn Thị Chúc L nhờ chuyển tiền về, đồng thời Nguyễn Thị Chúc L cũng không có chứng cứ gì chứng minh là có nhờ bà Nguyễn Thị B1 chuyển tiền cho ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Út N. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn B và Trần Thị Út N và Nguyễn Thị Chúc L cho rằng phía bị đơn có nhận số tiền của bà Nguyễn Thị C và đã trả rồi thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 09/3/2016 là hoàn toàn không có cơ sở bởi lẽ biên bản hòa giải ngày 09/3/2016 hòa giải yêu cầu phía bà Trần

Thị Út N và ông Nguyễn Văn B trả số tiền trong thời hạn 90 ngày trả đủ chứ không phải là đã trả số tiền này.

Tại phiên tòa hôm nay phía cháu Nguyễn Thị Chúc L cho rằng có nhờ bà Nguyễn Thị B1 gởi tiền về nhưng cháu L không có chứng cứ nào chứng minh, nếu sau này giữa cháu Chúc L và bà Nguyễn Thị B1 có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 6, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Út N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Văn B và Trần Thị Út N phải nộp 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Bà Nguyễn Thị C được nhận lại 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0013677 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Đình Tiên